

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

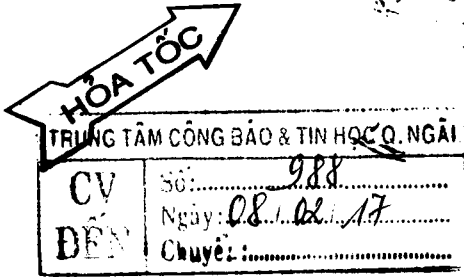
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **593** /UBND-TH
V/v khẩn trương trình
các nội dung phục vụ
kỳ họp lần thứ 5 HĐND
tỉnh khóa XII (lần 3)

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 02 năm 2017

Kính gửi:

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tư pháp;
- Công an tỉnh;
- Ban Dân tộc tỉnh.



Tại Công văn số 255/UBND-TH ngày 16/01/2017 và Công văn số 338/UBND-TH ngày 18/01/2017, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo Thủ trưởng các sở, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương xây dựng, lập hồ sơ và tham mưu UBND tỉnh các nội dung trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 5, HĐND tỉnh khóa XII.

Theo đó, trước ngày 22/01/2017, tham mưu UBND tỉnh Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết tại kỳ họp thứ 5. Tuy nhiên, đến nay (07/02/2017) chỉ có 14/32 nội dung được các sở, ngành, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng dự thảo nghị quyết tham mưu UBND tỉnh Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết để trình Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến (phụ lục kèm theo).

Để chuẩn bị các nội dung phục vụ kỳ họp thứ 5, HĐND tỉnh khóa XII theo đúng tiến độ và chất lượng, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo:

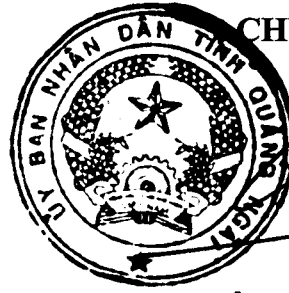
1. Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài nguyên và Môi trường khẩn trương tham mưu UBND tỉnh Tờ trình đề nghị xây dựng nghị quyết; trình UBND tỉnh **trước ngày 13/02/2017**. Qua thời hạn này, các sở, ngành nào có nội dung chưa trình UBND tỉnh theo yêu cầu thì Thủ trưởng sở, ngành đó chịu trách nhiệm và giải trình trước Chủ tịch UBND tỉnh và cấp thẩm quyền.

2. Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng dự thảo nghị quyết khẩn trương hoàn chỉnh, trình UBND tỉnh Hồ sơ dự thảo nghị quyết theo đúng quy định, hoàn thành **trước ngày 02/3/2017**.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/cáo);
- Thường HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP HĐND tỉnh;
- Các sở, ban ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, các P. N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, KTTHbha24.



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

Phụ lục
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HĐND TỈNH
BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT TẠI KỲ HỌP THỨ 5

(Kèm theo Công văn UBND tỉnh số 100/2017/QĐ-TH ngày 08/02/2017 của UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Đã trình Tờ trình đề nghị xây dựng NQ	Chưa trình Tờ trình đề nghị xây dựng NQ
1	Cơ chế hỗ trợ, biểu dương, khen thưởng cho các hộ thoát nghèo trên địa bàn các huyện miền núi	Ban Dân tộc tỉnh	x	
2	Chính sách hỗ trợ đầu tư sản xuất, kinh doanh muối sạch tại vùng muối Sa Huỳnh, giai đoạn 2017-2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	x	
3	Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể ngành thủy sản tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		x
4	Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại Điều 1, Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 về việc thông qua Đề án Kiên cố hóa kênh mương thủy lợi gắn với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016-2020	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	x	
5	Đề án nâng cao hiệu quả phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi ở các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2017 - 2020	Sở Y tế	x	
6	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 15/7/2016 Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã và khen thưởng công trình phúc lợi cho huyện, xã đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	x	
7	Đề án chính sách khuyến khích thoát nghèo bền vững trên địa bàn 06 huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	x	
8	Cơ chế, chính sách khuyến khích các trường cao đẳng, trung cấp nghề đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo ngành, nghề theo nhu cầu của người sử dụng lao động.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		x

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Đã trình Tờ trình đề nghị xây dựng NQ	Chưa trình Tờ trình đề nghị xây dựng NQ
9	Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	
10	Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống do cơ quan địa phương thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	x	
11	Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu	Sở Tài chính		x
12	Phí thăm quan danh lam thắng cảnh đối với công trình thuộc địa phương quản lý	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		x
13	Phí thăm quan di tích lịch sử đối với công trình thuộc địa phương quản lý.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		x
14	Phí thăm quan công trình văn hoá, bảo tàng đối với công trình thuộc địa phương quản lý.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		x
15	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		x
16	Phí thư viện đối với thư viện thuộc địa phương quản lý.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch		x
17	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện.	Sở Tài nguyên và Môi trường		x
18	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện.	Sở Tài nguyên và Môi trường		x
19	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Sở Tài nguyên và Môi trường		x
20	Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện.	Sở Tài nguyên và Môi trường		x

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Đã trình Tờ trình đề nghị xây dựng NQ	Chưa trình Tờ trình đề nghị xây dựng NQ
21	Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện.	Sở Tài nguyên và Môi trường		x
22	Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện.	Sở Tài nguyên và Môi trường		x
23	Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện.	Sở Tài nguyên và Môi trường		x
24	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường		x
25	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đối với hoạt động cung cấp thông tin do cơ quan địa phương thực hiện.	Sở Tư pháp	x	
26	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện.	Sở Tư pháp	x	
27	Lệ phí đăng ký cư trú và cấp chứng minh nhân dân, căn cước công dân đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện.	Công an tỉnh	x	
28	Lệ phí hộ tịch	Sở Tư pháp	x	
29	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam đối với cấp phép do cơ quan địa phương thực hiện	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội		x
30	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất	Sở Tài nguyên và Môi trường		x
31	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	Sở Xây dựng	x	
32	Lệ phí đăng ký kinh doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	x	